

THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH SỐ 72/2007/TT-BTC NGÀY 27 THÁNG 06 NĂM 2007 HƯỚNG DẪN VIỆC ĐĂNG KÝ VÀ QUẢN LÝ HÀNH NGHỀ KẾ TOÁN

Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH 11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hành nghề kế toán như sau:

1- Qui định chung

1.1. Hàng năm, doanh nghiệp dịch vụ kế toán và các doanh nghiệp khác có cung cấp dịch vụ kế toán (gọi chung là doanh nghiệp dịch vụ kế toán) phải đăng ký danh sách người hành nghề kế toán; cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán phải đăng ký hành nghề với Bộ Tài chính hoặc Hội nghề nghiệp kế toán, kiểm toán được Bộ Tài chính uỷ quyền (sau đây gọi tắt là Hội nghề nghiệp).

1.2. Doanh nghiệp dịch vụ kế toán, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán chỉ được quyền cung cấp dịch vụ kế toán sau khi đã đăng ký hành nghề kế toán và có xác nhận của Hội nghề nghiệp theo quy định tại điểm 1.1 nói trên. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán sau khi đã đăng ký hành nghề kế toán và được Hội nghề nghiệp xác nhận được gọi chung là cá nhân hành nghề kế toán. Cá nhân hành nghề kế toán và người đăng ký hành nghề kế toán trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán gọi chung là người hành nghề kế toán.

1.3. Khi cung cấp dịch vụ, người hành nghề kế toán phải xuất trình Chứng chỉ hành nghề kế toán do Bộ Tài chính cấp. Khi ký tên trong các tài liệu liên quan đến dịch vụ cung cấp, người hành nghề kế toán phải ghi rõ họ, tên và số Chứng chỉ hành nghề kế toán.

1.4. Trường hợp người hành nghề kế toán vi phạm pháp luật hoặc vi phạm kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp sẽ bị xử lý theo pháp luật và bị xoá tên trong danh sách đăng ký hành nghề.

1.5. Doanh nghiệp dịch vụ kế toán, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán nhưng không đăng ký hành nghề hoặc không thực hiện đúng các quy định tại Thông tư này sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định hiện hành.

1.6. Các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan có nhu cầu về dịch vụ kế toán như làm kế toán, làm kế toán trưởng, thiết lập hệ thống kế toán,... (theo quy định tại Điều 43 Nghị định 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh) chỉ được ký hợp đồng dịch vụ kế toán với các doanh nghiệp dịch vụ kế toán, kiểm toán và cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán đã đăng ký hành nghề và được Hội nghề nghiệp xác nhận theo quy định tại Thông tư này.

1.7. Bộ Tài chính là cơ quan quản lý nhà nước về kế toán. Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền thực hiện việc đăng ký và quản lý hành nghề kế toán theo quy định tại Thông tư này.

2- Điều kiện đăng ký hành nghề kế toán

2.1. Đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán:

a) Có lý lịch rõ ràng, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, không thuộc đối tượng không được làm kế toán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Luật Kế toán;

b) Có Chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ Tài chính cấp;

c) Có văn phòng và địa chỉ giao dịch;

d) Có đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán;

đ) Riêng đối với người nước ngoài đăng ký hành nghề kế toán cá nhân tại Việt Nam phải có thêm điều kiện được phép cư trú tại Việt Nam từ 1 năm trở lên, trừ khi có quy định khác trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có tham gia ký kết hoặc gia nhập.

2.2. Đối với người hành nghề kế toán trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán:

a) Có lý lịch rõ ràng, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, không thuộc đối tượng không được làm kế toán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Luật Kế toán;

b) Có Chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ Tài chính cấp;

c) Có hợp đồng lao động làm việc trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

2.3. Đối với doanh nghiệp dịch vụ kế toán:

a) Có đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán;

b) Có ít nhất 2 người có Chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ Tài chính cấp, trong đó Giám đốc doanh nghiệp phải là người có Chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên từ 2 năm trở lên.

2.4. Tại một thời điểm nhất định, người hành nghề kế toán chỉ được đăng ký hành nghề ở một doanh nghiệp dịch vụ kế toán, hoặc một doanh nghiệp kiểm toán, hoặc đăng ký hành nghề cá nhân.

2.5. Người đăng ký hành nghề kế toán từ lần thứ hai trở đi phải có thêm điều kiện tham dự đầy đủ chương trình cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định tại khoản 6 của Thông tư này.

2.6. Trường hợp người hành nghề kế toán đã đăng ký hành nghề ở một doanh nghiệp dịch vụ kế toán chuyển sang đăng ký hành nghề ở doanh nghiệp dịch vụ kế toán khác hoặc tách ra hành nghề cá nhân thì phải có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ở doanh nghiệp trước.

2.7. Người không có tên trong danh sách đăng ký hành nghề kế toán được Hội nghề nghiệp xác nhận thì không được ký vào sổ kế toán (đối với dịch vụ làm kế toán), không được ký báo cáo tài chính (đối với dịch vụ lập báo cáo tài chính, dịch vụ làm kế toán trưởng) và không được ký báo cáo kết quả dịch vụ kế toán.

2.8. Doanh nghiệp dịch vụ kế toán sử dụng người không có tên trong Danh sách đăng ký hành nghề kế toán để ký vào sổ kế toán (đối với dịch vụ làm kế toán), ký báo cáo tài chính (đối với dịch vụ lập báo cáo tài chính, dịch vụ làm kế toán trưởng), hoặc để ký báo cáo kết quả dịch vụ kế toán thì doanh nghiệp dịch vụ kế toán và người đó sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

2.9. Người hành nghề kế toán bị xóa tên trong danh sách đăng ký hành nghề kế toán trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm một trong những hành vi bị nghiêm cấm có liên quan đến người hành nghề kế toán quy định tại Điều 14 của Luật Kế toán.

b) Vi phạm một trong những trường hợp không được cung cấp dịch vụ kế toán quy định tại Điều 45 của Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

c) Thực tế không hành nghề kế toán nhưng vẫn cố tình đăng ký hành nghề kế toán; hoặc đồng thời đăng ký hành nghề kế toán ở hai nơi.

d) Vi phạm pháp luật hoặc vi phạm kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp mà pháp luật về kế toán nghiêm cấm.

2.10. Người hành nghề kế toán đã bị xóa tên trong danh sách đăng ký hành nghề kế toán không được đăng ký hành nghề lại trong thời hạn ít nhất là 3 năm kể từ ngày bị xóa tên.

2.11. Người hành nghề kế toán đã đăng ký hành nghề kế toán nhưng trên thực tế không hành nghề kế toán thì không được Hội nghề nghiệp tiếp tục xác nhận danh sách đăng ký hành nghề năm sau.

3- Hồ sơ đăng ký hành nghề kế toán

3.1. Đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán:

Cá nhân đăng ký hành nghề kế toán lần đầu phải lập hồ sơ đăng ký hành nghề kế toán nộp cho Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền, gồm:

a) Đơn đăng ký hành nghề kế toán (Phụ lục số 01/KET)

b) Bản sao công chứng Chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên;

c) Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

d) 03 ảnh 3x4 chụp ở thời điểm làm đơn đăng ký.

Đối với người nước ngoài phải có thêm Bản sao giấy chứng nhận được phép cư trú tại Việt Nam.

Cá nhân đăng ký hành nghề kế toán từ lần thứ hai trở đi chỉ nộp “Đơn đăng ký hành nghề kế toán” (Phụ lục số 01/KET) và giấy chứng nhận đã cập nhật kiến thức theo quy định tại khoản 6 Thông tư này.

3.2. Đối với người hành nghề kế toán trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán:

Hàng năm, người hành nghề kế toán lần đầu trong các doanh nghiệp dịch vụ kế toán phải làm hồ sơ đăng ký hành nghề kế toán, gồm:

- a) Đơn đăng ký hành nghề kế toán gửi cho Giám đốc doanh nghiệp dịch vụ kế toán (Phụ lục số 02/KET);
- b) Bản sao công chứng hoặc có chữ ký và dấu xác nhận của Giám đốc doanh nghiệp dịch vụ kế toán đối với Chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên;
- c) Các tài liệu theo quy định tại điểm 2.5, 2.6 khoản 2 Thông tư này.

3.3. Những người có Chứng chỉ kiểm toán viên đã đăng ký hành nghề kiểm toán theo quy định của pháp luật là đủ điều kiện hành nghề kế toán mà không phải làm hồ sơ đăng ký hành nghề kế toán.

3.4. Đối với doanh nghiệp dịch vụ kế toán

Giám đốc doanh nghiệp dịch vụ kế toán phải căn cứ Đơn đăng ký hành nghề kế toán của người hành nghề kế toán và các quy định về điều kiện hành nghề kế toán để xét duyệt xem người đó có đủ điều kiện hành nghề trong năm đó hay không, nếu đủ điều kiện thì lập hồ sơ đăng ký hành nghề kế toán của doanh nghiệp nộp cho Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền để xem xét xác nhận.

Hồ sơ đăng ký hành nghề kế toán lần đầu, gồm:

- a) Danh sách đăng ký hành nghề kế toán năm...(Phụ lục số 03/KET) kèm theo Đơn đăng ký hành nghề kế toán của từng cá nhân có đủ điều kiện trong danh sách đăng ký;
- b) Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ;
- c) Bản sao công chứng hoặc có chữ ký và dấu xác nhận của Giám đốc doanh nghiệp dịch vụ kế toán đối với Chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên của Giám đốc doanh nghiệp và của các cá nhân có tên trong danh sách đăng ký;
- d) 03 ảnh 3x4 chụp ở thời điểm làm đơn đăng ký của từng cá nhân có tên trong danh sách đăng ký.

Những người đã đăng ký hành nghề kế toán trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán năm trước nếu được Giám đốc doanh nghiệp chấp thuận đủ điều kiện tiếp tục đăng ký hành nghề năm sau thì không phải làm hồ sơ đầy đủ như đăng ký lần đầu mà chỉ làm Đơn đăng ký hành nghề kế toán (theo mẫu ở Phụ lục số 02/KET).

Doanh nghiệp dịch vụ kế toán đăng ký hành nghề kế toán từ lần thứ hai trở đi chỉ nộp "Danh sách đăng ký hành nghề kế toán năm ..." (Phụ lục số 03/KET). Nếu có đăng ký bổ sung thì phải nộp kèm theo hồ sơ đăng ký của những người bổ sung như đã quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Thông tư này.

4- Quản lý thống nhất danh sách cá nhân hành nghề kế toán và doanh nghiệp dịch vụ kế toán

4.1. Đăng ký lần đầu: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán, doanh nghiệp dịch vụ kế toán phải nộp hồ sơ đăng ký hành nghề cho Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền .

4.2. Đăng ký từ lần thứ hai trở đi: Hàng năm, trước ngày 30/10, cá nhân hành nghề kế toán, doanh nghiệp dịch vụ kế toán phải đăng ký danh sách hành nghề kế toán cho năm sau.

4.3. Đăng ký bổ sung: Trường hợp doanh nghiệp dịch vụ kế toán có người mới được cấp Chứng chỉ hành nghề kế toán, Chứng chỉ kiểm toán viên hoặc do tuyển dụng mới thì doanh nghiệp dịch vụ kế toán phải đăng ký danh sách bổ sung theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người hành nghề kế toán chính thức được nhận vào làm việc hoặc được cấp Chứng chỉ hành nghề.

4.4. Hồ sơ đăng ký hành nghề kế toán quy định tại điểm 4.1, 4.2, 4.3 nói trên thực hiện theo quy định tại khoản 3 Thông tư này. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hành nghề theo đúng quy định, Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền sẽ xác nhận danh sách người hành nghề kế toán đủ điều kiện theo quy định trong năm đó.

4.5. Trường hợp doanh nghiệp dịch vụ kế toán có người hành nghề kế toán chuyển đi, bỏ nghề, bị chết hoặc bị tước quyền hành nghề theo qui định của pháp luật thì doanh nghiệp dịch vụ kế toán phải thông báo bằng văn bản cho Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền kèm theo danh sách người hành nghề kế toán giảm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người hành nghề kế toán chính thức nghỉ việc.

4.6. Công khai danh sách doanh nghiệp dịch vụ kế toán và người hành nghề kế toán

a) Thời hạn công khai: Vào tháng 12 hàng năm, Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền thông báo công khai danh sách cá nhân hành nghề kế toán và doanh nghiệp dịch vụ kế toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kế toán đã được Hội nghề nghiệp xác nhận đến cơ quan thuế, cơ quan tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Bộ, ngành và cơ quan đăng ký kinh doanh các tỉnh, thành phố (nơi nhận báo cáo tài chính của đơn vị).

b) Hình thức công khai: Thông báo bằng văn bản và đăng trên Website, tạp chí của Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền.

c) Nội dung công khai:

- Danh sách cá nhân hành nghề kế toán gồm: Họ và tên, trình độ nghề nghiệp, số và ngày cấp Chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên, địa chỉ văn phòng giao dịch và các thông tin khác có liên quan;

- Danh sách doanh nghiệp dịch vụ kế toán đủ điều kiện hành nghề, gồm: tên doanh nghiệp, năm thành lập, địa chỉ trụ sở chính, số lượng người hành nghề kế toán và các thông tin khác có liên quan.

d) Cơ quan thuế, cơ quan tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Bộ, ngành, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ không chấp nhận báo cáo tài chính đã được lập bởi các cá nhân hoặc doanh nghiệp dịch vụ kế toán không được Hội nghề nghiệp xác nhận, đồng thời có trách nhiệm thông báo với Bộ Tài chính và Hội nghề nghiệp về các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị hành chính sự nghiệp đã thuê cá nhân, doanh nghiệp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện hoặc chưa đăng ký hành nghề kế toán làm thuê kế toán, làm kế toán trưởng hoặc lập báo cáo tài chính và các dịch vụ kế toán khác.

đ) Nếu qua công tác kiểm tra, do khách hàng hoặc cơ quan nhận báo cáo tài chính thông báo và xác định rõ vi phạm liên quan đến các quy định về hành nghề kế toán của cá nhân hành nghề kế toán hoặc doanh nghiệp dịch vụ kế toán thì Bộ Tài chính sẽ xử lý vi phạm pháp luật về kế toán theo quy định hiện hành.

5- Trách nhiệm cung cấp thông tin và trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát chất lượng hoạt động hành nghề kế toán và chất lượng dịch vụ kế toán

5.1. Khi có sự thay đổi tên gọi, trụ sở, văn phòng và địa chỉ giao dịch, nội dung đăng ký kinh doanh thì chậm nhất là 10 ngày sau khi thực hiện việc thay đổi, cá nhân hành nghề kế toán, doanh nghiệp dịch vụ kế toán phải thông báo bằng văn bản cho Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền.

5.2. Hàng năm, chậm nhất là ngày 31/3, các cá nhân hành nghề kế toán, doanh nghiệp dịch vụ kế toán phải báo cáo bằng văn bản cho Bộ Tài chính và Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền các chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động kinh doanh trong năm trước của mình (Phụ lục số 04/KET và Phụ lục số 05/KET).

5.3. Bộ Tài chính và Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát chất lượng hoạt động hành nghề và chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm tra việc chấp hành pháp luật kế toán và các văn bản hướng dẫn tại các doanh nghiệp dịch vụ kế toán và cá nhân hành nghề kế toán theo các quy định tại Quy chế kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán.

5.4. Bộ Tài chính thực hiện kiểm soát việc đăng ký và quản lý hành nghề kế toán của Hội nghề nghiệp được uỷ quyền theo quy định tại khoản 8 Thông tư này.

6- Cập nhật kiến thức hàng năm của người hành nghề kế toán

6.1. Đối tượng phải cập nhật kiến thức hàng năm là người hành nghề kế toán đang hành nghề hoặc sẽ tiếp tục đăng ký hành nghề kế toán trong năm sau.

6.2. Nội dung cập nhật kiến thức hàng năm, gồm:

a) Nội dung cơ bản của pháp luật về kế toán, quản lý kinh tế, tài chính, thuế và các vấn đề có liên quan;

b) Những quy định có bổ sung, sửa đổi trong chính sách, chế độ kế toán, quản lý kinh tế, tài chính, thuế và các vấn đề có liên quan.

6.3. Thời gian cập nhật kiến thức từ 30 giờ đến 40 giờ một năm.

6.4. Hình thức cập nhật kiến thức hàng năm:

a) Học tập trung do Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền tổ chức; hoặc

b) Tự học: Các doanh nghiệp dịch vụ kế toán tự tổ chức cập nhật kiến thức cho người hành nghề kế toán theo yêu cầu và nội dung cập nhật của Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền. Doanh nghiệp dịch vụ kế toán phải lưu giữ hồ sơ về nội dung, chương trình, thời gian cập nhật và danh sách người hành nghề kế toán của doanh nghiệp đã tham dự.

6.5. Sau mỗi khóa cập nhật kiến thức hàng năm do Hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền tổ chức hoặc do doanh nghiệp dịch vụ kế toán tự tổ chức, người hành nghề kế toán phải làm bài kiểm tra, sát hạch do Hội nghề nghiệp tổ chức theo hình thức trắc nghiệm, xử lý

bài tập tình huống hoặc viết thu hoạch và phải đạt yêu cầu thì mới được đăng ký hành nghề kế toán năm sau.

6.6. Những người có Chứng chỉ kiểm toán viên đã tham gia cập nhật kiến thức theo quy định về đăng ký hành nghề kiểm toán thì không bắt buộc phải tham dự cập nhật kiến thức về hành nghề kế toán.

7- Trách nhiệm của Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam trong việc đăng ký và quản lý hành nghề kế toán

7.1. Tổ chức tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký hành nghề kế toán và xác nhận danh sách người hành nghề kế toán của doanh nghiệp dịch vụ kế toán và cá nhân đăng ký hành nghề kế toán theo quy định.

7.2. Lập hồ sơ để theo dõi, quản lý đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan đến cá nhân hành nghề kế toán và người hành nghề kế toán theo từng doanh nghiệp dịch vụ kế toán trên cơ sở hồ sơ đăng ký hành nghề và các thông tin khác do cá nhân hành nghề kế toán và doanh nghiệp dịch vụ kế toán nộp, bao gồm cả việc cập nhật thông tin về việc thay đổi tên gọi, trụ sở giao dịch, nội dung đăng ký kinh doanh, thành lập chi nhánh, tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động ,...

7.3. Quản lý về đạo đức nghề nghiệp và chuyên môn, nghiệp vụ của người hành nghề kế toán.

7.4. Tổ chức cập nhật kiến thức hàng năm cho người hành nghề kế toán; Theo dõi thời gian cập nhật kiến thức của từng người và tổ chức kiểm tra, sát hạch làm cơ sở xác nhận đủ điều kiện hành nghề kế toán năm sau.

7.5. Thực hiện công khai danh sách doanh nghiệp dịch vụ kế toán và danh sách người hành nghề kế toán theo quy định. Cung cấp thông tin liên quan đến doanh nghiệp dịch vụ kế toán, cá nhân hành nghề kế toán cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật; Tổng hợp và báo cáo tình hình hoạt động hành nghề kế toán hàng năm trong cả nước (từ các thông tin theo mẫu Phụ lục 04/KET và Phụ lục 05/KET) để nộp cho Bộ Tài chính.

7.6. Bảo quản và lưu trữ hồ sơ, giấy tờ về đăng ký và quản lý hành nghề kế toán.

7.7. Kiểm tra, kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán và đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề kế toán. Kiến nghị với Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền xử lý những sai sót và vi phạm pháp luật phát hiện trong quá trình kiểm tra.

7.8. Kiến nghị với Bộ Tài chính về các biện pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quản lý hành nghề kế toán và kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán của doanh nghiệp dịch vụ kế toán và người hành nghề kế toán.

7.9. Chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Bộ Tài chính về việc thực hiện các trách nhiệm được uỷ quyền liên quan đến việc đăng ký và quản lý hành nghề kế toán và kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán.

8- Tổ chức thực hiện

8.1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

8.2. Theo Quyết định số 47/2005/QĐ-BTC ngày 14/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc “Chuyển giao cho Hội nghề nghiệp thực hiện một số nội dung công việc quản lý hành nghề kế toán, kiểm toán”, từ ngày 01/01/2007, Bộ Tài chính ủy quyền cho Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA) thực hiện việc đăng ký và quản lý hành nghề kế toán theo quy định tại Thông tư này. Cá nhân hành nghề kế toán và doanh nghiệp dịch vụ kế toán có trách nhiệm tuân thủ sự quản lý hành nghề của Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA) được Bộ Tài chính ủy quyền.

8.3. Người có Chứng chỉ hành nghề kế toán trong doanh nghiệp kiểm toán muốn đăng ký hành nghề kế toán thực hiện đăng ký hành nghề kế toán theo quy định tại Thông tư này với Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA).

8.4. Cá nhân hành nghề kế toán và các doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ kế toán mà không cung cấp dịch vụ kiểm toán thì phải đăng ký hành nghề kế toán theo quy định tại Thông tư này với Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA). Các doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ kiểm toán thì phải đăng ký hành nghề kiểm toán theo quy định với Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA).

8.5. Người hành nghề kế toán và doanh nghiệp dịch vụ kế toán, doanh nghiệp kiểm toán phải chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các qui định của Thông tư này.

8.6. Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình đăng ký và quản lý hành nghề kế toán, tình hình hoạt động hành nghề kế toán hàng năm của các doanh nghiệp kiểm toán cho Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.

8.7. Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam và Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện các công việc được Bộ Tài chính ủy quyền theo quy định tại Thông tư này.

8.8. Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để giải quyết./.

KT/ BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Trần Văn Tá

Phụ lục số 01/KET
Mẫu đơn đăng ký hành nghề kế toán
(Dùng cho cá nhân đăng ký hành nghề kế toán)
ĐƠN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KẾ TOÁN ⁽¹⁾

Kính gửi: Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA)

Họ và tên (chữ in hoa) Nam/ Nữ

Ngày tháng năm sinh:

Quốc tịch (hoặc Quốc tịch đối với người nước ngoài).....

Số Chứng minh thư (hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài).....

Ngày cấp..... Nơi cấp (Tỉnh/Thành phố).....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: Ngày cấp.....

Cơ quan cấp.....

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:.....

Trình độ chuyên môn:

Tốt nghiệp: Đại học:..... Chuyên ngành Năm

Đại học:..... Chuyên ngành Năm

Học vị: Năm:..... Học hàm:..... Năm

Chứng chỉ hành nghề (kế toán, kiểm toán) số: ngày

Quá trình làm việc:

Thời gian từ đến	Công việc - Chức vụ	Nơi làm việc

Tôi xin đăng ký hành nghề kế toán cá nhân và cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh các quy định đối với người hành nghề kế toán tại Luật Kế toán, Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh và Thông tư số/2007/TT-BTC ngày .../.../2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hành nghề kế toán.

Kính đề nghị xem xét, chấp thuận.

Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA)
xác nhận

....., ngày tháng năm

Ông/Bà:
đã đăng ký hành nghề kế toán năm tại VAA
....., ngày tháng năm

Người làm đơn
(Chữ ký, họ tên)

Chủ tịch Hội
(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Đơn này lập thành 3 bản sau khi được Hội nghề nghiệp xác nhận: 1 bản lưu tại VAA, 1 bản gửi đến Bộ Tài chính, 1 bản gửi cho cá nhân.

Phụ lục số 02/KET
Mẫu đơn đăng ký hành nghề kế toán

*(Dùng cho người hành nghề kế toán trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán
hoặc doanh nghiệp kiểm toán)*

ĐƠN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KẾ TOÁN

Kính gửi: Ông/Bà Giám đốc Công ty

Họ và tên (chữ in hoa) Nam/ Nữ

Ngày tháng năm sinh:

Quê quán (hoặc Quốc tịch đối với người nước ngoài).....

Hiện nay đang làm việc tại:

Trình độ chuyên môn:

Tốt nghiệp: Đại học:.....Chuyên ngành Năm

Đại học:.....Chuyên ngành Năm

Học vị: Năm:..... Học hàm:..... Năm

Chứng chỉ hành nghề kế toán số: ngày

Quá trình làm việc:

Thời gian từ đến	Công việc - Chức vụ	Nơi làm việc

Sau khi xem xét có đủ điều kiện, tôi xin đăng ký hành nghề kế toán trong danh sách đăng ký hành nghề kế toán của Công ty và cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh các qui định đối với người hành nghề kế toán tại Luật Kế toán, Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh và Thông tư số/2007/TT-BTC ngày .../.../2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hành nghề kế toán.

Kính đề nghị Ông/Bà Giám đốc xem xét, chấp thuận.

....., ngày tháng năm

Xác nhận của doanh nghiệp

Người hành nghề kế toán nói trên đủ điều kiện
hành nghề kế toán trong năm.....

....., ngày tháng năm

Giám đốc Công ty

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

Người làm đơn

(Chữ ký, họ tên)

Phụ lục số 03/KET
(Dùng cho doanh nghiệp dịch vụ kế toán, doanh nghiệp kiểm toán)

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ
HÀNH NGHỀ KẾ TOÁN NĂM** ⁽¹⁾

Kính gửi: Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA)

Công ty đăng ký Danh sách người hành nghề kế toán trong năm như sau:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán ⁽²⁾ (quốc tịch)	Chứng chỉ kế toán viên hành nghề hoặc Chứng chỉ KTV		Thời hạn đăng ký hành nghề kế toán		
		Nam	Nữ		Số	Ngày	Từ	đến	

Công ty xin chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng người đăng ký hành nghề kế toán theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước.

....., ngày tháng năm

Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA)
xác nhận

*Danh sách người hành nghề kế toán nói trên đã
đăng ký hành nghề kế toán năm tại VAA*

....., ngày tháng năm

Chủ tịch Hội

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc công ty
(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

(1) Danh sách này được gửi kèm theo Hồ sơ của từng cá nhân có tên trong danh sách đăng ký hành nghề kế toán lần đầu. Danh sách này lập thành 3 bản sau khi được Hội nghề nghiệp xác nhận: 1 bản lưu tại VAA, 1 bản gửi đến Bộ Tài chính, 1 bản gửi cho doanh nghiệp.

- Trường hợp đăng ký lần thứ hai hoặc đăng ký bổ sung cũng sử dụng mẫu này và ghi thêm chữ “bổ sung”.

- Doanh nghiệp kiểm toán dùng mẫu này để đăng ký hành nghề kế toán cho những người chỉ có chứng chỉ hành nghề kế toán.

(2) Người Việt Nam ghi quê quán (Tỉnh, Thành Phố), người nước ngoài ghi quốc tịch.

Phụ lục số 04/KET
Mẫu báo cáo hàng năm
(Dùng cho doanh nghiệp dịch vụ kế toán)

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:

BÁO CÁO
MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG NĂM..... (1)

Kính gửi:

Công ty xin báo cáo một số chỉ tiêu hoạt động năm...⁽¹⁾, như sau:

1. Tình hình nhân viên:

Chỉ tiêu	Năm...(1)		Năm...(2)	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
Tổng số nhân viên đến 31/12				
Trong đó:				
1. Số người hành nghề kế toán đã đăng ký				
Trong đó:				
- Người có Chứng chỉ hành nghề kế toán				
. Người Việt Nam				
. Người nước ngoài				
- Người có Chứng chỉ kiểm toán viên				
. Người Việt Nam				
. Người nước ngoài				
2. Số người làm dịch vụ kế toán chưa đủ điều kiện đăng ký				
3. Nhân viên khác				

2. Tình hình doanh thu:

2.1. Cơ cấu doanh thu theo loại dịch vụ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm...(1)		Năm...(2)	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu dịch vụ kế toán				
Trong đó:				
- Làm kế toán				
- Làm kế toán trưởng				
- Thiết lập cụ thể hệ thống kế toán cho đơn vị kế toán				
- Cung cấp và tư vấn áp dụng công nghệ thông tin về kế toán				
- Bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, cập nhật kiến thức kế toán				
- Tư vấn tài chính, kê khai thuế và các dịch vụ khác về kế toán				

2.2. Cơ cấu doanh thu theo đối tượng khách hàng:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đối tượng khách hàng	Năm... ⁽¹⁾			Năm... ⁽²⁾		
	Số lượng khách hàng	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số lượng khách hàng	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
2. Công ty TNHH, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã						
3. Doanh nghiệp nhà nước						
4. Đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức đoàn thể xã hội						
5. Tổ chức, dự án quốc tế						
Cộng						

3. Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm... ⁽¹⁾	Năm... ⁽²⁾
1. Tổng số vốn kinh doanh		
2. Kết quả kinh doanh sau thuế (Lãi +, Lỗ -)		
Trong đó: - Dịch vụ kế toán		
- Dịch vụ khác		
3. Nộp Ngân sách		
- Thuế Giá trị gia tăng		
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế và các khoản phải nộp khác		
4. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)		
5. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (%)		

4. Tình hình cập nhật kiến thức cho người hành nghề kế toán trong năm:

4.1. Các lớp cập nhật kiến thức:

TT	Nội dung từng lớp cập nhật kiến thức cho người hành nghề kế toán	Thời gian Từ... đến....	Tổng số giờ học	Số lượng người hành nghề kế toán tham gia

4.2. Danh sách người hành nghề kế toán đã tham gia các lớp cập nhật:

TT	Họ và tên người hành nghề	Chức danh trong công ty	Chứng chỉ hành nghề (kế toán, kiểm toán)		Số lượng lớp tham gia	Tổng số thời gian đã học (giờ)
			Số	Ngày		

5. Những thay đổi trong năm...⁽¹⁾:

6. Thuận lợi, khó khăn và các kiến nghị, đề xuất hoặc thông tin khác cần cung cấp cho cơ quan nhận báo cáo (nếu có):

Ghi chú: (1): Ghi năm báo cáo

(2): Ghi năm liền kề trước năm báo cáo

..., ngày... tháng... năm....

Giám đốc công ty

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 05/KET
Mẫu báo cáo hàng năm
(Dùng cho cá nhân hành nghề kế toán)

BÁO CÁO
MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG NĂM..... (1)

Kính gửi:

Tên tôi là:

Chứng chỉ hành nghề kế toán số: ngày

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày

Đã được xác nhận đăng ký hành nghề kế toán cá nhân ngày ... tháng năm

Tôi xin báo cáo một số chỉ tiêu hoạt động năm... (1), như sau:

1. Tình hình doanh thu:

1.1. Cơ cấu doanh thu theo loại dịch vụ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm...(1)		Năm...(2)	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu dịch vụ kế toán				
Trong đó:				
- Làm kế toán				
- Làm kế toán trưởng				
- Thiết lập cụ thể hệ thống kế toán cho đơn vị kế toán				
- Cung cấp và tư vấn áp dụng công nghệ thông tin về kế toán				
- Bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, cập nhật kiến thức kế toán.				
- Tư vấn tài chính, kê khai thuế và các dịch vụ khác về kế toán				

1.2. Cơ cấu doanh thu theo đối tượng khách hàng:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đối tượng khách hàng	Năm... (1)			Năm... (2)		
	Số lượng khách hàng	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số lượng khách hàng	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
2. Công ty TNHH, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã						
3. Doanh nghiệp nhà nước						
4. Đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức đoàn thể xã hội						
5. Tổ chức, dự án quốc tế						
Cộng						

2. Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm... ⁽¹⁾	Năm... ⁽²⁾
1. Tổng số vốn kinh doanh		
2. Kết quả kinh doanh sau thuế (Lãi +, Lỗ -)		
3. Nộp Ngân sách		
- Thuế Giá trị gia tăng		
- Thuế Thu nhập		
- Thuế và các khoản phải nộp khác		
4. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)		
5. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (%)		

3. Các lớp cập nhật kiến thức đã tham gia trong năm:

TT	Thời gian Từ... đến....	Địa điểm	Tổng số giờ đã dự học	Nội dung được cập nhật

4. Những thay đổi trong năm (1):

5. Thuận lợi, khó khăn và các kiến nghị, đề xuất hoặc thông tin khác cần cung cấp cho cơ quan nhận báo cáo (nếu có):

.....

Ghi chú: (1): Ghi năm báo cáo

(2): Ghi năm liền kề trước năm báo cáo

..., ngày... tháng.... năm....

Người báo cáo

(Ký, họ tên)